

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST

Ngày 21-6-2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia
tài sản chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Vịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chi tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Th; nơi cư trú: Thôn BThTr, xã LA, huyện VB, thành phố Hải Phòng, có mặt;

- Bị đơn: Chị Phạm Thị H; nơi cư trú: Thôn BThTr, xã LA, huyện VB, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Vợ chồng ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị L; nơi cư trú: Thôn BThTr, xã LA, huyện VB, thành phố Hải Phòng; đều có mặt.

+ Anh Nguyễn Văn Ch1; nơi cư trú: Thôn ThTr, xã LA, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Ngọc B; nơi cư trú: Thôn ThTr, xã LA, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên toà nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Th trình bày:

Anh và chị Phạm Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LA, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 30/11/2009. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung trong tình cảm tâm sinh lý, vợ chồng không tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau trong quan hệ hôn nhân nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã không tôn trọng nhau. Mặc dù đã được gia đình khuyên giải nhưng không đạt kết quả, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Nguyễn Thị Bảo Nh, sinh ngày 30/01/2011 và Nguyễn Bảo Nh1, sinh ngày 01/7/2012. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cả 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh tự thỏa thuận với chị H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị H có tài sản chung là 01 ngôi nhà mái Thái 01 tầng được xây dựng trên diện tích 304 m² đất, tại thửa đất số 277, tờ bản đồ số 14, địa chỉ: Thôn BThTr, xã LA, huyện VB, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1064 ngày 10/10/1997 đứng tên ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị L (Diện tích đất là của bố mẹ anh ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị L); 1/3 giá trị máy đào bánh xích hiệu VOLVOEC 55C; 1/3 giá trị máy đào bánh xích hiệu DOOSAN SOLAR55-VSUDER hai chiếc máy này là vợ chồng chung với anh Nguyễn Văn Ch1 và anh Nguyễn Ngọc B. Khi ly hôn, anh đề nghị được nhận bằng tiền giá trị căn nhà và tài sản trên đất; giao cho bố mẹ anh ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị L căn nhà và tài sản trên đất; anh nhận 1/3 giá trị 02 máy đào bánh xích hiệu VOLVOEC 55C và máy đào bánh xích hiệu DOOSAN SOLAR55-VSUDER. Anh có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho chị H phần giá trị hai chiếc máy mà chị H được hưởng là 66.600.000 đồng. Anh không yêu cầu tính công sức tôn tạo, san lấp đối với diện tích đất nêu trên.

Về nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, phiên hoà giải và tại phiên toà bị đơn là chị Phạm Thị H trình Bày: Chị xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như nội dung anh Th trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, không tìm được tiếng nói chung, anh Th không chung thủy với vợ con nên giữa vợ chồng xảy ra bất hòa. Nay, anh Th có đơn xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh Th có 02 con chung là Nguyễn Thị Bảo Nh, sinh ngày 30/01/2011 và Nguyễn Bảo Nh1, sinh ngày 01/7/2012 hiện đang sinh sống cùng với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chị xin tự thoả thuận với anh Th, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Th có tài sản chung là 01 ngôi nhà mái Thái 01 tầng, công trình phụ và tài sản trên đất được xây dựng trên diện tích 304 m² đất, tại thửa đất số 277, tờ bản đồ số 14, địa chỉ: Thôn BThTr, xã LA, huyện VB, thành phố Hải Phòng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1064 ngày 10/10/1997 đứng tên ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị L (Diện tích đất là của bố mẹ chồng, ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị L) trị giá 1.052.028.464 đồng; 01 máy đào bánh xích hiệu VOLVOEC 55C, trị giá 200.000.000 đồng và 01 máy đào bánh xích hiệu DOOSAN SOLAR55-VSUDER, trị giá 200.000.000 đồng. Khi ly hôn, chị đề nghị giao căn nhà và tài sản trên đất cho ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị L, chị nhận giá trị nhà bằng tiền là 526.000.000 đồng, 1/6 giá trị 02 máy đào bánh xích hiệu VOLVOEC 55C và máy đào bánh xích hiệu DOOSAN SOLAR55-VSUDER là 66.600.000 đồng. Tổng cộng là 592.600.000 đồng. Chị không yêu cầu tính công sức tôn tạo, san lấp đối với diện tích đất nêu trên.

Về nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị L thống nhất trình bày: Vợ chồng ông, bà có diện tích đất 304 m² đất tại thửa đất số 277, tờ bản đồ số 14, địa chỉ: Thôn BThTr, xã LA, huyện VB, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1064 ngày 10/10/1997 đứng tên vợ chồng ông, bà là Nguyễn Văn Ch và Nguyễn Thị L. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông, bà cho vợ chồng anh Th, chị H làm nhà trên diện tích đất đó. Trường hợp anh Th chị H ly hôn, vợ chồng ông, bà thống nhất tặng cho diện tích đất này cho chị Phạm Thị H và 02 con của chị H là cháu Nguyễn Bảo Nh1 và Nguyễn Thị Bảo Nh. Tuy nhiên, về phần thủ tục tặng cho ông, bà sẽ làm sau. Ông bà đồng ý nhận quyền sở hữu căn nhà và tài sản gắn liền với đất nhưng hiện tại ông bà chưa có điều kiện để thanh toán giá trị bằng tiền cho anh Th, chị H.

+ Tại bản tự khai và tại phiên hoà giải: Anh Nguyễn Văn Ch1 và anh Nguyễn Ngọc B trình bày: Hai anh có chung với vợ chồng anh Th, chị H máy đào bánh xích hiệu VOLVOEC 55C và máy đào bánh xích hiệu DOOSAN SOLAR55-

VSUDER giá trị định giá là 200.000.000 đồng/01 máy. Trường hợp anh Th, chị H ly hôn, hai anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của chị H, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản để xác định giá trị các tài sản tranh chấp. Theo Hội đồng định giá tài sản xác định, tổng các tài sản trên đất đang tranh chấp của anh Th, chị H có trị giá là 1.052.028.464 (Một tỷ không trăm năm mươi hai triệu không trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm sáu bốn) đồng, cụ thể: Các tài sản và vật kiến trúc gồm: Nhà 1 tầng mái bê tông cốt thép, tường xây gạch chỉ 220, móng ép cọc bê tông, lợp ngói chống nóng, cửa gỗ lim, trần thạch cao, nền lát gạch men trị giá 944.282.541 đồng; bếp, công trình phụ trị giá 10.888.581 đồng; Nhà tắm WC trị giá 13.072.127 đồng; công, sân, tường bao, lán tôn trị giá 83.785.215 đồng; 01 cây mít trị giá 320.000 đồng; 01 máy đào bánh xích hiệu VOLVOEC 55C trị giá 200.000.000 đồng; 01 máy đào bánh xích hiệu DOOSAN SOLAR55-VSUDER trị giá 200.000.000 đồng. Tổng cộng làm tròn số: 1.452.348.000 (Một tỷ bốn trăm năm mươi hai triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn) đồng.

Các đương sự đều đồng ý với kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xác định quan hệ tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thẩm quyền đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 147, 164, 165, 166 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 213; 219; 223 của Bộ luật Dân sự; các điều 33, 55, 59 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị H; về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Thị Bảo Nh, sinh ngày 30/01/2011 và Nguyễn Bảo Nh1, sinh ngày 01/7/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do anh Th và chị H không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung: Giao cho anh Th được quyền sở hữu 1/3 Máy đào bánh xích hiệu VOLVOEC 55C và 1/3 Máy đào bánh xích hiệu DOOSAN SOLAR55-VSUDER. Anh Th phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị H số tiền là 66.600.000 (Sáu mươi sáu triệu sáu trăm nghìn) đồng; Giao cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị L quyền sở hữu 01 nhà 1

tầng mái bê tông cốt thép, tường xây gạch chi 220, móng ép cọc bê tông, lợp ngói chống nóng, cửa gỗ lim, trần thạch cao, nền lát gạch men; bếp, công trình phụ; nhà tắm; công, sân, tường bao, lán tôn; 01 cây mít trên diện tích đất 304 m² đất tại thửa đất số 277, tờ bản đồ số 14, địa chỉ: Thôn BThTr, xã LA, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Ông Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị H và anh Th tổng số tiền là 1.052.028.464 (Một tỷ không trăm năm mươi hai triệu không trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm sáu bốn) đồng. Về án phí: Anh Th và chị H phải chịu án sơ thẩm theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí sơ thẩm; về chi phí tố tụng: Chị H tự nguyện nhận chịu các chi phí tố tụng và đã nộp đủ nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Nguyễn Văn Th có đơn xin ly hôn với chị Phạm Thị H có nơi cư trú tại xã LA, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo; Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Ch1 và Nguyễn Văn B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Ch1 và anh B.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LA, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 30/11/2009. Như vậy, hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, cả anh Th và chị H đều xác nhận vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý, không tin tưởng nhau trong quan hệ hôn nhân. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Th xin ly hôn, chị H đồng ý ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành, qua xác minh tại địa phương xác định được giữa anh Th và chị H có xảy ra mâu thuẫn như nội dung anh Th và chị H trình bày là đúng, từ đó xác định được mâu thuẫn vợ chồng

đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị H.

[4] Về con chung: Anh Th và chị H đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Bảo Nh, sinh ngày 30/01/2011 và Nguyễn Bảo Nh1, sinh ngày 01/7/2012. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh Th đồng ý giao cả 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy 02 con chung của anh Th và chị H đều trên 7 tuổi, hiện đang sinh sống cùng chị H, có nguyện vọng được ở với chị H, chị H có việc làm có thu nhập và có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung tốt. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử, căn cứ quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao cả 02 con chung Nguyễn Thị Bảo Nh và Nguyễn Bảo Nh1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con, do anh Th và chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Th và chị H đều xác nhận vợ chồng có tài sản chung là: 01 ngôi nhà mái thái 1 tầng mái bê tông cốt thép, tường xây gạch chỉ 220, móng ép cọc bê tông, lợp ngói chống nóng, cửa gỗ lim, trần thạch cao, nền lát gạch men trị giá trị giá 944.282.541 đồng; bếp, công trình phụ trị giá 10.888.581 đồng; Nhà tắm WC trị giá 13.072.127 đồng; công, sân, tường bao, lán tôn trị giá 83.785.215 đồng; 01 cây mít trị giá 320.000 đồng. Được làm trên diện tích đất 304 m² đất tại thửa đất số 277, tờ bản đồ số 14; địa chỉ: Thôn BThTr, xã LA, huyện VB, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1064 ngày 10/10/1997 đứng tên vợ chồng ông, bà là Nguyễn Văn Ch và Nguyễn Thị L; 1/3 giá trị Máy đào bánh xích hiệu VOLVOEC 55C; 1/3 giá trị Máy đào bánh xích hiệu DOOSAN SOLAR55-VSUDER. Trị giá mỗi máy là 200.000.000 đồng. Anh Th và chị H đều đề nghị được nhận giá trị bằng tiền của ngôi nhà, công trình phụ và giao quyền sở hữu ngôi nhà, công trình phụ cho người có quyền sử dụng đất là vợ chồng ông Nguyễn Văn Chiêu, bà Nguyễn Thị L; anh Th đề nghị được sở hữu 1/3 Máy đào bánh xích hiệu VOLVOEC 55C và 1/3 Máy đào bánh xích hiệu DOOSAN SOLAR55-VSUDER chung với anh Nguyễn Văn B và anh Nguyễn Văn Ch1, anh Th sẽ thanh toán cho chị H giá trị bằng tiền là 66.600.000 đồng. Xét thấy, đối với tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà 1 tầng, bếp, công trình phụ, Nhà tắm WC, công, sân, tường bao; 01 cây mít là bất động sản gắn liền trên diện tích đất 304 m² đất tại thửa đất số 277, tờ bản đồ số 14, địa chỉ: Thôn BThTr, xã LA, huyện VB, thành phố Hải Phòng, thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị L. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh Th và chị H đều đề nghị được nhận giá trị bằng tiền và giao cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị L được quyền sở hữu; vợ chồng ông Ch, bà L cùng đồng ý nhận quyền sở hữu ngôi nhà này. Do đó, để đảm bảo được mục đích sử dụng, giá trị tài sản, Hội đồng xét xử giao cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị L

được quyền sở hữu 01 ngôi nhà và các tài sản trên diện tích đất 304 m² đất tại thửa đất số 277, tờ bản đồ số 14, địa chỉ: Thôn BThTr, xã LA, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vợ chồng ông Ch, bà L phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh Th và chị H bằng tiền phần giá trị mà anh Th chị Huyền được hưởng; giao cho anh Th được quyền sở hữu 1/3 Máy đào bánh xích hiệu VOLVOEC 55C và 1/3 giá trị Máy đào bánh xích hiệu DOOSAN SOLAR55-VSUDER, anh Th phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị H số tiền là 66.600.000 đồng như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Do chị H tự nguyện nhận chịu cả các chi phí này, đã nộp đủ nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[7] Về án phí: Anh Th và chị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 245 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 213; 219; 223 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 33; 55; 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Thị Bảo Nh, sinh ngày 30/01/2011 và Nguyễn Bảo Nh1, sinh ngày 01/7/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con anh Th và chị H tự thỏa thuận, không xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về tài sản chung:

Giao cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị L được quyền sở hữu 01 nhà mái thái 1 tầng mái bê tông cốt thép, tường xây gạch chỉ 220, móng ép cọc bê tông, lợp ngói chống nóng, cửa gỗ lim, trần thạch cao, nền lát gạch men trị giá 944.282.541 đồng; bếp, công trình phụ trị giá 10.888.581 đồng; nhà tắm WC trị giá 13.072.127 đồng; cổng, sân, tường bao, lán tôn trị giá 83.785.215 đồng;

01 cây mít trị giá 320.000 đồng trên diện tích đất 304 m² đất tại thửa đất số 277, tờ bản đồ số 14, địa chỉ: Thôn BThTr, xã LA, huyện VB, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1064 ngày 10/10/1997 của vợ chồng ông, bà là Nguyễn Văn Ch và Nguyễn Thị L. Trị giá 1.052.028.000 đồng.

Vợ chồng ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh Nguyễn Văn Th số tiền 526.014.000 đồng (Năm trăm hai mươi sáu triệu không trăm mười bốn nghìn đồng); thanh toán cho chị Phạm Thị H số tiền 526.014.000 đồng (Năm trăm hai mươi sáu triệu không trăm mười bốn nghìn đồng).

Giao cho anh Nguyễn Văn Th được quyền sở hữu 1/3 giá trị Máy đào bánh xích hiệu VOLVOEC 55C và 1/3 giá trị Máy đào bánh xích hiệu DOOSAN SOLAR55-VSUDER. Anh Nguyễn Văn Th phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Phạm Thị H số tiền 66.600.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

- Anh Th phải chi 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 27.704.000 đồng án phí chia tài sản chung của vợ chồng. Anh Th đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006717 ngày 12/10/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Anh Th còn phải nộp 27.704.000 đồng (Hai mươi bảy triệu bảy trăm linh bốn nghìn đồng).

- Chị Phạm Thị H phải chịu án phí chia tài sản chung của vợ chồng là 27.704.000 đồng, chị H đã nộp 19.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009223 ngày 03/01/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Chị H còn phải nộp 8.204.000 đồng (Tám triệu hai trăm linh bốn nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Th, chị Phạm Thị H, vợ chồng ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn Ch1 và anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã LA, huyện VB;
- Đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Vịnh